

Bản án số: 26/2026/HS-ST
Ngày 22/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nga
2. Bà Ma Thị Cử

- Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Ma Thế Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2026/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Bàn Tiến T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 12 năm 1994 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKNK thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã B, tỉnh Thái Nguyên**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Bàn Văn H** và bà **Lý Thị P**; Vợ: **Phùng Thị C**; Con có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án: 01, tại bản án số 20/2024 ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tỉnh Cao Bằng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng) xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 28/9/2024 chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/01/2026 cho đến nay tại **Trại giam S Công an tỉnh T**, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Văn T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 11 năm 1997 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKNK thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Hoàng Văn K** và bà **Sầm Thị Đ**; Vợ: **Dương Thị T2**; Con có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2026 cho đến nay tại Trại giam S Công an tỉnh T, có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T1:** Bà Hoàng Thị Thu H1 - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* **Bị hại:** Anh Bàn Tiến Đ1, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn P, xã B, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Hoàng Văn L - sinh năm 1988. Trú tại: Thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29/12/2025 Hoàng Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 11H1-114.96 của bà Sầm Thị Đ từ thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên đến nhà của Bàn Tiến T ở thôn P, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây T1 và T bàn bạc với nhau về việc đi trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng, do T biết nhà anh trai ruột là Bàn Tiến Đ1, trú cùng thôn, có 01 máy cưa lóc và không có ai ở nhà nên T1 cùng T đi bộ đến nhà anh Đ1 thì phát hiện máy cưa lóc đặt tại hiên nhà gần cửa, T lấy trộm máy cưa còn T1 nhặt lấy 01 chiếc bao tải ở trước nhà, cả hai đi về nhà Trường tháo lam, xích máy cưa cho vào bao tải, đặt vào giá hàng đằng trước xe mô tô biển số đăng ký 11H1-114.96 rồi T1 điều khiển xe chở T đến cửa hàng "" ở thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên bán máy cưa lóc cho Hoàng Văn L với giá 500.000đ, T chia cho T1 200.000đ rồi cùng nhau đi đến khu vực Trung tâm y tế B1 thuộc thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên, T1 và T tự đi tìm mua ma túy, mỗi người mua 200.000đ sau đó ra phía sau Trung tâm y tế Ba B tự sử dụng, số tiền còn lại 100.000đ sử dụng vào việc mua xăng và nước uống hết.

Sau khi anh Bàn Tiến Đ1 phát hiện máy cưa lóc bị mất đã đến cơ quan Công an trình báo yêu cầu giải quyết, cơ quan Công an đã thu giữ được máy cưa lóc do Bàn Tiến T, Hoàng Văn T1 trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTSTX ngày 08/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên kết luận: Giá trị của tài sản là 01 (một) máy cưa lóc, đã qua sử dụng, gắn lam, xích dài 60 cm; tổng chiều dài của máy cưa lóc là 90 cm tại thời điểm tháng 12/2025 là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSKV9, ngày 24/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên truy tố các bị cáo Bàn Tiến T, Hoàng Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề cụ thể như sau:

- Tuyên bố các bị cáo **Bàn Tiến T**, **Hoàng Văn T1** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58/Bộ luật Hình sự;
- Xử phạt bị cáo **Bàn Tiến T** từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 27/01/2026.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58/Bộ luật Hình sự;
- Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T1** từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/01/2026.
- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo.
- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589/BLDS: Bị cáo **Bàn Tiến T**, **Hoàng Văn T1** có trách nhiệm bồi thường số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) cho ông **Hoàng Văn L**.
- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra có thu giữ 01 máy cưa lốc, gắn lam và xích dài 60 cm, máy có tổng chiều dài 90 cm, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông **Bàn Tiến Đ1** là chủ sở hữu hợp pháp, nên không xem xét giải quyết.
- Đối với chiếc xe mô tô biển số đăng ký 11H1-114.96 do **Hoàng Văn T1**, **Bàn Tiến T** dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội có liên quan đến vụ án khác và hiện do cơ quan Điều tra Hình sự khu vực 1 - Các tổ chức sự nghiệp - **Bộ Q** đang tạm giữ, nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí Tòa án. Các bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.
- Người bào chữa cho bị cáo **Hoàng Văn T1** vắng mặt tại phiên tòa và có gửi bản luận cứ bào chữa cho Hội đồng xét xử, trong bản luận cứ người bào chữa khẳng định về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng và hoàn toàn nhất trí, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ở mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, về trách nhiệm dân sự bị cáo nhất trí bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đề nghị miễn tiền phạt, tiền án phí cho bị cáo vì gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo.
- Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết họ đã có lời khai đầy đủ. Người bào chữa cho bị cáo **Hoàng Văn T1** vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa và bị cáo **Hoàng Văn T1** cũng đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa của bị cáo. Việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 291, khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Theo các biên bản lời khai của các bị cáo, người bị hại và những người liên quan trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Ngày 29/12/2025 **Hoàng Văn T1** điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 11H1-114.96 của bà **Sầm Thị Đ** từ thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên đến nhà của **Bàn Tiến T** ở thôn P, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây **T1** và **T** bàn bạc với nhau về việc đi trộm cắp tài sản, do **T** biết nhà anh trai ruột là **Bàn Tiến Đ1**, trú cùng thôn, có 01 máy cưa lóc và không có ai ở nhà nên **T1** cùng **T** đi bộ đến nhà anh **Đ1** thì phát hiện máy cưa lóc đặt tại hiên nhà gần cửa, **T** lấy trộm máy cưa còn **T1** nhặt lấy 01 chiếc bao tải ở trước nhà, cả hai đi về nhà Trường tháo lam, xích máy cưa cho vào bao tải, đặt vào giá hàng đằng trước xe mô tô biển đăng ký 11H1-114.96 rồi **T1** điều khiển xe chở **T** đến cửa hàng "" ở thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên bán. Theo định giá của cơ quan định giá tài sản trong hoạt động tố tụng thì giá trị của tài sản là 01 (một) máy cưa lóc có giá trị là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173/BLHS, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng.

[4] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội : “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173/ Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu, quyền quản lý tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do

vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này vai trò của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, nên các bị cáo đều có vai trò như nhau.

[7] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

* Đối với bị cáo **Bàn Tiến T**:

- *Về nhân thân*: Bị cáo có nhân thân xấu, tại bản án số 20/2024 ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tỉnh Cao Bằng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng) xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 28/9/2024 chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích, cho nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là Tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”.

* Đối với bị cáo **Hoàng Văn T1**:

- *Về nhân thân*: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nào.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”.

[8] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, để đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thuộc hộ nghèo, bản thân các bị cáo không có việc làm, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đó là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt và trong quá trình điều tra người bị hại đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Hoàng Văn L** yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) gồm 500.000đ tiền mua chiếc cửa lóc và 300.000đ tiền sửa chữa chiếc cửa lóc, ngoài ra không yêu cầu gì thêm, các bị cáo nhất trí bồi thường với số tiền 800.000đ (**T3** trăm nghìn đồng) cho anh **Hoàng Văn L**, do vậy bị cáo **Bàn Tiến T** phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 400.000đ (Tám trăm nghìn đồng) cho anh **Hoàng Văn L**, bị cáo **Hoàng Văn T1** phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 400.000đ (Tám trăm nghìn đồng) cho anh **Hoàng Văn L**.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS.

[11] Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án, có thu giữ 01 máy cửa lóc, gắn lam và xích dài 60 cm, máy có tổng chiều dài 90 cm, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông **Bàn Tiến Đ1** là chủ sở hữu hợp pháp, nên không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô biển số đăng ký 11H1-114.96 do **Hoàng Văn T1**, Bàn Tiến **T** dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội có liên quan đến vụ án khác và hiện do cơ quan Điều tra Hình sự khu vực 1 - Các tổ chức sự nghiệp - **Bộ Q** đang tạm giữ, nên không xem xét giải quyết.

[12] Đối với anh **Hoàng Văn L** là người mua tài sản do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, anh **L** không biết tài sản do các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp mà có, do vậy không xem xét xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Đối với bà **Sầm Thị Đ** là chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe mô tô biển số đăng ký 11H1-116.49, việc bị cáo **Hoàng Văn T1** lấy xe đi để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bà **Sầm Thị Đ** không biết, nên không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[14] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của **Hoàng Văn T1**, Bàn Tiến Trường không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a của Bộ luật hình sự nên không cấu thành tội phạm, cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển đến **công an xã B**, tỉnh Thái Nguyên để xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[15] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí Tòa án: Các bị cáo là người dân tộc sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí Tòa án, do vậy miễn toàn bộ tiền án cho các bị cáo.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- * Tuyên bố các bị cáo **Hoàng Văn T1**, **Bàn Tiến T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58/ Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Bàn Tiến T** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 27/01/2026.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo **Bàn Tiến T** 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58/ Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T1** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/01/2026.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo **Hoàng Văn T1** 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589/BLDS: Bị cáo **Bàn Tiến T** có trách nhiệm bồi thường cho anh **Hoàng Văn L** số tiền là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo **Hoàng Văn T1** có trách nhiệm bồi thường cho anh **Hoàng Văn L** số tiền là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng)

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- CQ Cảnh sát Điều tra CA tỉnh Thái Nguyên
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thái Nguyên;
- Công an xã Bằng Thành, tỉnh Thái Nguyên
- Phòng THADS khu vực 9 - T. Nguyên;
- Trại giam số 2 CA tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo, Ng bị hại, người liên quan;
- Người bào chữa
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Hùng